

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/06/2022

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	627	RP3	7:25	22	0		22	0	
2	620	P4+BK15+VSP01	7:25	21+0+0	0+0+0		16+2+2	0+0+0	
3	627	PPD+GT C1	9:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
4	620	PVD2+PPD	9:25	17+4	0+0		13+9	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP3	CREW: Hạnh - VLin - N Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ VĂN LUONG	RP3	12	1	3	100	70	KHI	Vietnamese
2	LÂM TIẾN PHI	RP3	21	1	10		85	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	900	1	4		60	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN SEN	RP3	03	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	20	1	5		80	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	22	1	13		80	KHI	Vietnamese
7	LÊ XUÂN VIỆT	RP3					79	KHI	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LẬP	RP3					60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	04	1	4		72	KHI	Vietnamese
10	VÕ ĐÓN LONG	RP3	14	1	8		75	KHI	Vietnamese
11	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	13	1	7		65	KHI	Vietnamese
12	PHẠM BÌNH NAM	RP3	18-19	2	10		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU ĐỨC	RP3	09-10	2	12		65	KHI	Vietnamese
14	PHAN VIỆT NAM	RP3	05	1	12		60	KHI	Vietnamese
15	TRẦN CHÍ DŨ	RP3	17	1	7		62	KHI	Vietnamese
16	VŨ NGỌC KỊCH	RP3	11	1	5		53	KHI	Vietnamese
17	HOÀNG XUÂN THIN	RP3	15-16	2	12		62	KHI	Vietnamese
18	LÊ VĂN VƯƠNG	RP3	29	1	6		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÙNG	RP3	07	1	7		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THỦ	RP3	06	1	5		60	KHI	Vietnamese
21	TRẦN TÂN PHÁT	RP3	01-02	2	10		73	KHI	Vietnamese
22	VÕ THANH TÂN	RP3	08	1	9		57	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

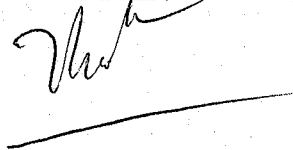
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	154	1.477	100	22		
TOTAL		22	24	154	1.477	100	22		
WEIGHT KG				154	1.477	100			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/06/2022	TO: P4 - BK15 - VSP01	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - XTrường - MQUÂN - PTUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOLESNIK ALEXANDER	P4	66	1	8		105	KHI	Russian
2	NGUYỄN LÊ HUY	P4	57	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	PHẠM TRẠI	P4	61	1	5		68	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG TUÂN	P4	52	1	5	50	71	KHI	Vietnamese
5	TẠ XUÂN HIỆU	P4	49	1	10		67	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH CANG	P4	56	1	5		78	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	68	1	5		80	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	53	1	6		67	KHI	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	67	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	PHAN HỒNG TAM	P4	50-51	2	14		58	KHI	Vietnamese
11	TÔN THẤT HOANG QUÂN	P4	60	1	5		85	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ HÙNG	P4	63	1	6		65	KHI	Vietnamese
13	ĐÌNH HOÀI ĐỨC	P4					70	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SANG	P4	59	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P4	48	1	5		79	KHI	Vietnamese
16	PHAN ĐÌNH NHAM	P4	55	1	5		63	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG TRƯỞNG	P4	54	1	5		77	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	58	1	3		70	KHI	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN AI	P4	65	1	3		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	64	1	9		83	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HAI	P4	62	1	6		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

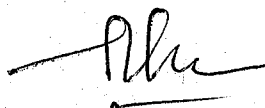
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	21	21	120	1.508	50	18		
2	BK15	0	0	0	0	20	2		
3	VSP01	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	21	120	1.508	70	22		
WEIGHT KG				120	1.508	70			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

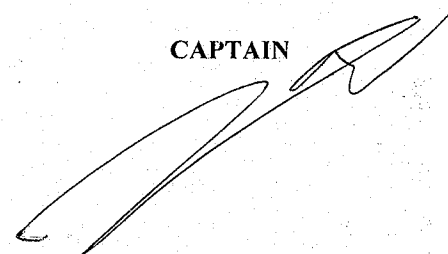
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: PPD - GTC1	CREW: Hạnh - VLinH - NNam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TÀI	PPD	34	1	14	75	72	KHI	Vietnamese
2	BERNIKOVICH VIKTOR	PPD	44	1	7		114	KHI	Russian
3	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	37	1	4		63	KHI	Vietnamese
4	VŨ THANH BÌNH	PPD	23-24	2	9		82	KHI	Vietnamese
5	HOÀNG MINH HIẾU	PPD	36	1	5		69	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	40	1	3		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÀI	PPD	35	1	5		71	KHI	Vietnamese
8	PHẠM HAI QUANG	PPD					75	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN VIỆT ĐIẾP	PPD	43	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN THÀNH	PPD	30	1	7		83	KHI	Vietnamese
11	TRẦN THANH TRI	PPD	42	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	PPD	31	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ XUÂN THẮNG	PPD	32	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	PPD	26	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG MINH THAI	PPD	53-56	4	15		80	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI ĐỨC HẬU	PPD	27-28	2	11		60	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THỦ	PPD	25	1	7		51	CODIEN	Vietnamese
18	PHẠM THANH BÌNH	PPD	33	1	5		81	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	38-39	2	7		56	KHI	Vietnamese
20	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	29	1	8		62	KHI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN NĂM	PPD	41	1	4		72	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	22	1	7		82	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	27	154	1.592	75	18		
2	GTC1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	27	154	1.592	75	22		
WEIGHT KG				154	1.592	75			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/06/2022	TO: PVD2 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Nam - XTrưởng - MQUÂN - PTUÂN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	PVD2	03-05	3	19		72	PVD-BH	Vietnamese
2	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	PVD2	32	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH SỸ TUÂN	PVD2	84-85	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI THAI QUY	PVD2	34	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐỨC	PVD2	22-23	2	14		79	CNTT	Vietnamese
6	PHẠM TĂNG KHOA	PVD2	24	1	10		76	PVD LOGG	Vietnamese
7	ĐẠO TIẾN PHÁT	PVD2	30-31	2	19		85	PVD LOGG	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH PHU	PVD2	25	1	10		50	PVD LOGG	Vietnamese
9	ĐẶNG THẾ PHÚC	PVD2	27-28	2	18	6	70	PVD LOGG	Vietnamese
10	TRẦN BA KHANH	PVD2	899	1	11		76	PVD	Vietnamese
11	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	PVD2	06-07	2	10	25	75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN LAM GIANG	PVD2	99	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH QUANG CHIẾN	PVD2	900	1	15		73	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HAI NGÂN	PVD2	33	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC TUYẾN	PVD2	81	1	5		76	XAYLAP	Vietnamese
16	LƯƠNG VĂN VIỆT	PVD2	700	1	5		66	XAYLAP	Vietnamese
17	VƯƠNG ĐỨC HUY	PVD2	26	1	15		99	PSV	Vietnamese
18	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	01-02	2	10		80	KHI	Vietnamese
19	BUI THANH	PPD	06	1	5		62	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC HÒA	PPD	03	1	8		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	17	24	212	1.255	31	13		
2	PPD	3	4	23	212	0	9		
TOTAL		20	28	235	1.467	31	22		
WEIGHT KG				235	1.467	31			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN